|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-UBND | *Sơn La, ngày tháng năm 2025* |

DỰ THẢO

# TỜ TRÌNH

# Dự thảo Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND

# ngày 16/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Sơn La

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/2/2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định về kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số …/TTr-SYT ngày / /2025, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 16/3/2022 của HĐND tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Sơn La như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Căn cứ chính trị, pháp lý**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định về kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Công văn số 1454/TTHĐND ngày 07/7/2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La về việc cho ý kiến chấp thuận đăng ký xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 16/3/2022 của HĐND tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Sơn La.

**2. Cơ sở thực tiễn**

Thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Tại khoản 3 điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định “*Tùy thuộc điều kiện* *kinh tế - xã hội tại địa phương, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn không thấp hơn* *mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định này”*. Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết 26/2022/NQ-HĐND ngày 16/3/2022 của HĐND tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Sơn La, theo đó tỉnh Sơn La áp dụng mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội bằng mức quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP *(Mức chuẩn trợ giúp xã hội là 360.000 đồng/tháng)*.

 Ngày 01/7/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 76/2024/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội *(Có hiệu lực thi hành từ 01/7/2024)*: Tại khoản 1, Điều 1 quy định *Mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 là 500.000 đồng/tháng.* Do đó, nội dung quy định về mức chuẩn trợ giúp xã hội tại khoản 3, Điều 1, mức trợ giúp xã hội tại khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh không còn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 76/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ quy định: *Trường hợp điều kiện kinh tế - xã hội địa phương bảo đảm, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn cao hơn**mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định này.*

Như vậy, theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP của Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ ban hành Nghị quyết để quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội trong trường hợp quy định cao hơn các mức đã quy định tại Nghị định. Mặt khác, tại Công văn số 957/STC-TCHCSN ngày 26/4/2025 của Sở Tài chính đã có ý kiến năm 2025 là năm cuối thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022-2025, hiện nay thu ngân sách của tỉnh gặp nhiều khó khăn, không cân đối được nhiệm vụ ban hành chính sách làm tăng dự toán chi ngân sách, theo quy định tại Khoản 8 Điều 7 Thông tư 88/2024/TT-BTC ngày 24/12/2024 về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 quy định chỉ ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách nhà nước khi thực sự cần thiết và có nguồn bảo đảm. Do đó, mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh thực hiện bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ. Việc bãi bỏ Nghị quyết 26/2022/NQ-HĐND ngày 16/3/2022 của HĐND tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Sơn La là cần thiết, sau khi bãi bỏ Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan đơn vị liên quan thực hiện mức trợ giúp xã hội theo Nghị định số 76/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: *“5. Cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải đồng thời sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần của văn bản quy phạm pháp luật do mình đã ban hành khác với quy định của văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành. Trường hợp có quy định khác nhưng cần tiếp tục được áp dụng thì phải được quy định rõ trong văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành*”.

Theo quy định tại khoản 2, Điều 4 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: *“2. Cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật để bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần văn bản do mình ban hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này”.*

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 38 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP “1. Bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần văn bản được áp dụng như sau:

*a) Bãi bỏ toàn bộ văn bản khi văn bản thuộc một trong các trường hợp sau mà không cần thiết ban hành văn bản để thay thế: Đối tượng điều chỉnh của văn bản không còn; toàn bộ quy định của văn bản chồng chéo, mâu thuẫn với văn bản là căn cứ để rà soát hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội; văn bản không còn được áp dụng*”.

 Từ những lý do trên, việc trình HĐND tỉnh bãi bỏ Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 16/3/2022 của HĐND là cần thiết và đúng thẩm quyền theo quy định.

**II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**1. Mục đích ban hành**

 Xử lý văn bản quy phạm pháp luật không còn phù hợp với pháp luật hiện hành.

**2. Quan điểm xây dựng**

**-** Rà soát, xác định chính xác, đầy đủ những nội dung cần bãi bỏ;

- Tuân thủ các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025 trong quá trình xây dựng Nghị quyết.

 **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đã có Công văn số 1454/TTHĐND ngày 07/7/2025 về việc cho ý kiến chấp thuận đăng ký xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 16/3/2022 của HĐND tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Y tế chủ trì xây dựng Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 16/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Sơn La tại Phiếu chuyển số 241/PCVB-VPUB ngày 10/7/2025 của Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh Sơn La.

Trên cơ sở kết quả rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, Sở Y tế xây dựng dự thảo Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 16/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh gửi xin ý kiến tham gia bằng văn bản và thực hiện công bố lên cổng thông tin điện tử của Sở Y tế, của tỉnh để xin ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cơ quan, đơn vị và cá nhân tại Công văn số .../SYT-BTXH&PCTNXH ngày.../7/2025 của Sở Y tế và nhận được ... ý kiến tham gia của cơ quan, đơn vị có liên quan. Về việc lấy ý kiến tham gia trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh: Theo Công văn số...ngày...của Trung tâm thông tin Văn phòng UBND tỉnh có... lượt xem, ý kiến đóng góp của nhân dân:..

 Sở Y tế đã rà soát, hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị quyết theo ý kiến tham gia của các đơn vị, đăng tải Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của Sở Y tế và gửi Sở Tư pháp thẩm định theo đúng quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Sở Tư pháp đã có báo cáo thẩm định số …/BC-STP ngày …//2025.

Sở Y tế đã tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ dự thảo theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp để trình UBND tỉnh theo quy định. Dự thảo đã được xin ý kiến của các thành viên UBND tỉnh nhất trí, thông qua.

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

- Phạm vi điều chỉnh: Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 16/3/2022 của HĐND tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Đối tượng áp dụng: Đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Sơn La.

**2. Bố cục của dự thảo nghị quyết**

Bố cục dự thảo gồm các căn cứ ban hành và nội dung nghị quyết.

**3. Nội dung cơ bản của dự thảo nghị quyết**

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 16/3/2022 của HĐND tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Điều khoản thi hành

 **V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA**

* 1. **Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thực hiện chính sách:** Nội dung dự thảo Nghị quyết chỉ bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND ngày 16/3/2022 của HĐND tỉnh, dự thảo Nghị quyết không quy định chính sách mới hay sửa đổi, bổ sung chính sách hiện có trong nghị quyết, do vậy không làm phát sinh nguồn nhân lực và tài chính trong triển khai, thi hành Nghị quyết sau khi được HĐND tỉnh ban hành.
	2. **Dự kiến thời gian trình thông qua:** Kỳ họp chuyên đề HĐND tỉnh tháng 11 năm 2025.

UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

*(UBND tỉnh xin gửi kèm theo: (1)Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh (được đóng dấu giáp lai của UBND tỉnh);(2) Tờ trình số /TTr-SYT ngày ...//2025 của Sở Y tế; (3) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo (được đóng dấu treo của của Sở Y tế); (4) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý (được đóng dấu treo của của Sở Y tế);(5) Báo cáo thẩm định số ../BC-STP ngày ...//2025 của Sở Tư pháp; (6) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định số ..../BC-SYT ngày ...//2025 của Sở Y tế gửi kèm theo).*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:**** Như trên;
* Thường trực Tỉnh uỷ *(b/c)*;
* Thường trực HĐND tỉnh *(b/c)*;
* Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh *(b/c)*;
* Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
* Các Đại biểu HĐND tỉnh khóa XV;
* Sở Y tế;
* Sở Tài chính;
* Sở Tư pháp;
* Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
* Văn phòng UBND tỉnh;
* Lưu: VT, KGVX.
 | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****Tráng Thị Xuân** |